

Số: 09/2020/QĐST- HNGĐ

Hương Thủy, ngày 26 tháng 02 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY- TỈNH THỪA THIÊN HUẾ.

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81,82,83,84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 151/2019/TLST- DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Trần Quang T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Bùi Thị TH, sinh năm 1994; Địa chỉ: Thôn BL, xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 02 năm 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Anh Trần Quang T và chị Bùi Thị TH đăng ký hôn vào 26/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã TB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế trên cơ sở tự nguyện nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị TH là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị TH đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, việc thuận tình ly hôn giữa anh T và chị TH là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị TH.

[2]. Về con chung và việc nuôi con: Chị Bùi Thị TH và anh Trần Quang T công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 01/7/2014. Hai bên thống nhất giao cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 01/7/2014 cho anh Trần

Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị TH và anh Trần Quang T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị TH và anh Trần Quang T.

- Về con chung và việc nuôi con: Chị Bùi Thị TH và anh Trần Quang T thống nhất giao cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 01/7/2014 cho anh Trần Quang T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi). Chị Bùi Thị TH không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị TH và anh Trần Quang T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: là 300.000 đồng, chị Bùi Thị TH và anh Trần Quang T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà anh Trần Quang T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005475 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế và số tiền tạm ứng lệ phí là 150.000 đồng mà chị Bùi Thị TH đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/005476 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TT Huế;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- UBND xã TB (ĐKKH ngày 26/02/2014);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÍ)

Nguyễn Ngọc Dũng